

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HS-ST
Ngày 08-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Võ Đông S, sinh năm 1990 tại tỉnh Hậu Giang; thường trú: Ấp L Th 1, xã L Ph, thị xã L M, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Em, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1971; bị cáo có 02 chị em ruột, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1992; có vợ tên là Hứa Thị B, sinh năm 1990, có 01 con ruột, sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 15/11/2017, bị Công an thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương xử phạt 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”, theo Quyết định số 283/QĐ-XPHC, chưa đóng tiền phạt; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2021 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1958; thường trú: Thôn Ph Ph, xã A H, huyện T A, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số 133, khu dân cư Đ A, khu phố Đ A, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Chị Hồ Thị T, sinh năm 1989; thường trú: Thôn Tr Th, xã Ng Th B,

huyện L Th, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở: Số 133, khu dân cư Đ A, khu phố Đ A, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Trần Thanh H, sinh năm 1983; thường trú: Thôn Ph Ph, xã A H, huyện T A, tỉnh Phú Yên; chỗ ở: Số 133, khu dân cư Đ A, khu phố Đ A, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

* *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Anh Võ Chí Thiện và Dương Văn Đỡ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Đông S làm thuê tại cơ sở nấu đường của anh Trần Thanh H tại địa chỉ số 133 đường D1, khu phố Đ A, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Dương Văn Đ, Võ Chí Th và người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của S.

Khoảng 13 giờ ngày 03/12/2018, S, Th, Đ, T và vợ của T (không rõ nhân thân) đi hát Karaoke tại quán Nh Ph địa chỉ phường Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Khi hát S rủ Th, Đ và T chiếm đoạt tài sản tại cơ sở nấu đường của anh H đồng thời phân công S cùng Th đi mua dây rút, băng keo, T gọi xe ô tô đến chở tài sản, Đ trông coi phụ giúp khuân vác tài sản. S nói với cả nhóm “tý nữa đi với tao về xưởng đường gặp ông N bắt trói ông N lại, chờ ông Th chở hai đứa em về lại thì bắt trói ông Th, T kêu xe đến bốc xếp chở tài sản, khi chờ bốc chở tài sản lên xe thì lục tìm vàng, tiền trong phòng của Th”. Khoảng 14 giờ cùng ngày tất cả ra về, T đi thuê xe ô tô, Đ đi xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision (không rõ biển số) của T về phòng trọ của bà Phạm Thị Nh (mẹ S) để ngủ. S, Th đi mua 02 cuộn băng keo màu xanh, 03 cuộn băng keo màu trắng, 10 sợi dây rút màu trắng, 08 mét dây dù màu trắng xanh bỏ vào túi nylon màu đen. Sau đó S chở Th về phòng ở trọ của bà Nh cho Th ngủ. Sơ nói “khi nào Sơ điện thoại thì Đ chở Th đi lại cơ sở nấu đường anh H”, sau đó S đi đến xưởng đường anh H, tại cơ sở nấu đường của anh H lúc này có anh Trần Thanh Th, ông Trần Văn N (cha anh Th), chị Hồ Thị T (vợ anh Th) và hai người làm công tên K và Th. Sơ biết khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Th chở K và Th đi đón xe về quê. S điện thoại cho Th nói “cầm bịch đồ đến, thấy ông N mở cổng thì từ từ rồi vô, khi ông N đi vô thì đi theo ông vô, tao sẽ dụ ông N vào lò hơi, khi tao đè ông xuống thì lấy băng keo bịt mắt, bịt miệng ông lại”. Sau đó Th nói Đ “điều khiển xe mô tô chở Th mang theo túi nylon đến cơ sở nấu đường”. Khi đến Th xuống xe đứng đợi bên ngoài cổng, Đ điều khiển xe về lại phòng trọ của bà Nh. Thời điểm này ông N ra mở cổng cho anh Th chở K, Thiên ra ngoài. S đi ra nói với ông N “bô ơi vô mở cửa lò để con thông lò hơi cho thợ làm”. Ông N đi vào nhưng không khóa cổng, S ra hiệu cho Th từ bên ngoài cổng đi vào. Ông N đi đến lò hơi ở góc xưởng bên phải, hướng từ cổng đi vào thì S, Th đi phía sau ông N, S dùng tay đâm 01 cái vào thái dương

bên trái ông N làm ông N ngã nằm nghiêng xuống đồng củi gỗ cạnh lò hơi, S dùng chân khống chế, giữ hai tay ông N ở phía sau, Th lấy băng keo dán miệng, hai mắt, hai tay, hai chân ông N, dùng dây rút trói hai tay, hai chân ông N, S nói “ông nằm yên đi, tôi không làm gì ông đâu, đợi thằng Th về bắt đánh thằng Th”. Biết chị T đang ngủ trong nhà, S nói Th “đi vào trong phòng ngủ chị T bắt trói lại”. S gõ cửa phòng ngủ, chị T từ trong phòng ngủ mở cửa, S xô mạnh cửa, dùng tay tát vào mặt chị T làm chị T ngã nằm nghiêng xuống nền nhà. S dùng tay khống chế, giữ hai tay chị T ở phía sau lưng, Th sử dụng băng keo dán hai mắt, miệng của chị T, dùng dây rút trói hai tay, hai chân chị T. Sau đó S cùng Th khiêng ông N vào phòng chị T rồi cả hai lục tìm tài sản. Th tìm trong phòng chị T lấy được 01 sợi dây chuyền, 01 nhẫn kim loại bằng kim loại màu vàng, đập vỡ 01 con heo đất lấy 8.000.000 đồng sau đó gỡ trên tay chị T lấy 01 nhẫn, 01 lắc tay bằng kim loại vàng. S lấy 6.000.000 đồng trong phòng ông N, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 trong phòng chị T. Lúc này Th nói với S “gọi Đ mua nước đến để uống và phụ giúp S và Đ”. S điện cho Đ đến mua nước và nói Th “bắt giữ anh Th”. Khi Đ mang 03 chai nước đi vào trong sân đưa cho S, S nói Đ “đã bắt trói được hai người, đang lục tìm tài sản ở trong nhà”. S nói Đ “phụ giúp bắt trói anh Th sẽ cho từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng”, Đ đi ra bên ngoài cổng chờ anh Th đi về đồng thời chờ T đưa xe ô tô đến chở tài sản. Đ đợi 01 lúc không thấy ai đến Đ đi về nhà bà Nh. Thời điểm này Th đi vệ sinh thấy Camera nhà anh H nên nói cho Sơ biết rồi cả hai mang theo tài sản đã chiếm đoạt tẩu thoát lên thị xã B C, tỉnh Bình Dương. Thời điểm này ông N biết Th, S đã đi nên bò lại gần chị T. Ông N, chị T hỗ trợ nhau cởi trói đi ra ngoài, chị T đến Công an phường T Đ H trình báo.

Khoảng 19 giờ cùng ngày khi Th, S đi đến thị xã B C, tỉnh Bình Dương, Th đi đến tiệm vàng K Th D (anh K Th D làm chủ) bán cho anh D 01 lắc tay bằng kim loại vàng 18 Kara trọng lượng 1 chỉ 7 phân, 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ được tổng số tiền 8.200.000 đồng. Th đi đến Công ty TNHH MTV tiệm vàng B Tr tại địa chỉ khu phố B, phường M Ph, thị xã B C, tỉnh Bình Dương (anh Nguyễn Kim T làm chủ) bán cho anh T 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ 2 phân, 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 5 phân được tổng số tiền 5.800.000 đồng. Sau đó, Th đưa 14.000.000 đồng về cho S và được S cho 1.500.000 đồng. Đến ngày 05/12/2018, Th đi đến tiệm cầm đồ H K 5 địa chỉ DC7 khu phố B, phường M Ph 2, thị xã B C, tỉnh Bình Dương (chị Nguyễn Thị Tr làm chủ) bán cho chị Tr điện thoại Samsung Galaxy J7 được 2.000.000 đồng. Th cầm 2.000.000 đồng về cho S thì được S cho 500.000 đồng. Đến ngày 14 và 15/01/2019 bị cáo Võ Chí Th, Dương Văn Đ bị bắt.

Ngày 25/9/2019, Tòa án nhân dân thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương xử phạt Võ Chí Th 09 năm tù và Dương Văn Đ 06 năm tù về tội Cướp tài sản.

Riêng đối với Võ Đông S bỏ trốn, đến ngày 08/10/2021 bị bắt theo Lệnh truy nã số 12 ngày 19/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 14/BB.ĐG ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 trị giá 1.600.000 đồng; 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ trị giá 7.200.000 đồng; 01 dây chuyền bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ 2 phân trị giá 7.920.000 đồng; 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 5 phân trị giá 1.800.000 đồng; 01 lắc tay bằng kim loại vàng 18 kara, trọng lượng 1 chỉ 7 phân trị giá 4.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt gồm tiền, điện thoại di động, vàng 36.920.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0053/TgT/2019 ngày 21/01/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai đối với chị Hồ Thị T: Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế không định tỷ lệ cho chấn thương đầu và tay chân hai bên không để lại sẹo, không để lại di chứng và không ảnh hưởng chức năng. Vật gây thương tích là vật tày.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0070/TgT/2019 ngày 22/01/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai đối với ông Trần Văn N: Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế không định tỷ lệ cho chấn thương mặt, vai phải, bàn tay phải và cẳng chân hai bên hiện không để lại sẹo và không ảnh hưởng chức năng. Vật gây thương tích là vật tày.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá tài sản số: 14/BB.ĐG ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương, Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0053/TgT/2019 ngày 21/01/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai đối với chị Hồ Thị T và Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 0070/TgT/2019 ngày 22/01/2019 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Đồng Nai đối với ông Trần Văn N.

Đối với tên T, tham gia cùng với bị cáo để cướp tài sản của các bị hại, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Kim Thành D là chủ tiệm vàng “K Th D”, anh Nguyễn Kim T là chủ tiệm vàng “B Tr” và chị Nguyễn Thị Tr là chủ tiệm vàng “H K” đã mua và nhận cầm cố vàng, điện thoại mà không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ Đông S phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân

của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị Võ Đông S từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm tù.

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 303/2019/HS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên không đặt ra xem xét.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, đồng thời trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào lời khai của bị cáo; các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến, Kết luận định giá tài sản số: 14/BB.ĐG ngày 29/01/2019 của Hội đồng định giá thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 16 giờ ngày 03/12/2019, tại địa chỉ số 133, đường D1, khu phố Đ A, phường T Đ H, thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương. Võ Đông S, Võ Chí Th và Dương Văn Đ đã có hành vi bàn bạc, phân công vai trò dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn N và chị Hồ Thị T gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7 trị giá 1.600.000 đồng; 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ trị giá 7.200.000 đồng; 01 dây chuyền bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 2 chỉ 2 phân trị giá 7.920.000 đồng; 01 nhẫn bằng kim loại vàng 9999, trọng lượng 5 phân trị giá 1.800.000 đồng; 01 lắc tay bằng kim loại vàng 18 kara, trọng lượng 1 chỉ 7 phân trị giá 4.400.000 đồng. Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt gồm tiền, điện thoại di động, vàng là 36.920.000 đồng

Như vậy, hành vi trên đây của bị cáo bàn bạc, phân công, lên kế hoạch với các bị cáo khác đồng thời sử dụng hung khí, dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức để chiếm đoạt tài sản của bị hại, đã đủ tố cấu thành tội “Cướp tài sản”.

Do đó, Cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Võ Đông S về tội “Cướp tài sản” với các tình tiết định khung “có tổ chức” và “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đe dọa xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, sức khỏe, tính mạng của các bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét các tình tiết giảm nhẹ nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện hành vi phạm tội nên đây là vụ án phạm tội có tổ chức. Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Võ Đông S bàn bạc, vạch kế hoạch, chuẩn bị công cụ để cùng với bị cáo Th, Đ và người tên Tuấn thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Th, Đ tham gia với vai trò người thực hành. Xét tính chất, mức độ hành vi cũng như vai trò trong vụ án thì mức hình phạt của bị cáo S cao hơn mức hình phạt bị cáo Th, Đ.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện bị cáo có tiền sự về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” chưa được xóa, bản thân bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, chỉ vì mâu thuẫn cá nhân trong quá trình làm việc mà các bị cáo bàn bạc, vạch kế hoạch, phân công vai trò cụ thể cho từng người đồng thời sử dụng hung khí, dùng vũ lực để cướp tài sản của các bị hại, hành vi của các bị cáo ngoài việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại mà còn xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của các bị hại được pháp luật bảo vệ, tội phạm của các bị cáo thực hiện còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Tuy nhiên, áp dụng hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Ngày 25/9/2019, Tòa án nhân dân thị xã D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương xử phạt Võ Chí Th 09 năm tù và Dương Văn Đ 06 năm tù về tội Cướp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 303/2019/HS-ST.

[10] Đối với tên T, tham gia cùng với bị cáo để cướp tài sản của các bị hại, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau và đối với anh K Th D là chủ tiệm vàng “K Th D”, anh Nguyễn Kim T là chủ tiệm vàng “B Tr” và chị Nguyễn Thị Tr là chủ tiệm vàng “H K” đã mua và nhận cầm cố vàng, điện thoại mà không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D A, tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý, là đúng quy định của pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 303/2019/HS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên không đặt ra xem xét.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Võ Đông phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Võ Đông S 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/10/2021.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Võ Đông S phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA